TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29 - 3 - 2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Hoà

Ông Triệu Kim Bình

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Giang N; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh N. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Giang N kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ tháng 04/2007, nhưng mãi đến ngày 17/8/2007 mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, anh N thường

xuyên chơi bời rồi về nhà chửi bới, xúc phạm vợ con. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Nam H, sinh ngày 17/11/2007 và cháu Bùi Nam A, sinh ngày 18/12/2013. Hiện các cháu đang ở với anh N và ông bà nội. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nam A; giao cháu Nam H cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Giang N trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến thời gian gần đây mới phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 08/2022 cho đến nay, chị H không về nhà mặc dù anh đã động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Nam H, sinh ngày 17/11/2007 và cháu Bùi Nam A, sinh ngày 18/12/2013. Hiện các cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh N không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Giang N. Giao cháu Bùi Nam H, sinh ngày 17/11/2007 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Nam A, sinh ngày 18/12/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Giang N, nơi cư trú tại Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh N không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh N theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh N đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Phạm Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Giang N lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh N vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Giang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2007 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Anh N cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Anh N không đồng ý ly hôn, tuy nhiên Tòa án đã nhiều lần thông báo nhưng anh N không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên toà, thể hiện anh N không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị H, anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung. Chị H và anh N đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nam A. Nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, cháu Nam H có nguyện vọng muốn được ở với bố, cháu Nam A có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Ngoài ra, một người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu sẽ rất vất vả và không đảm bảo điều kiện phát triển cho các cháu. Giao cho mỗi người trực tiếp nuôi một cháu là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu, chấp nhận yêu cầu của chị H: giao cháu Nam H cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Nam A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị H, anh N không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Giang N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Nam H, sinh ngày 17/11/2007 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Nam A, sinh ngày 18/12/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000452 ngày 28/12/2022. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H, anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Thạch Lập;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Thịnh